

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1049/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **NHQ**, sinh năm 1971

Và bà **TMT**, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: A Nguyễn Thượng Hiền, Phường A, quận B, Thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện nội dung mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ việc, cụ thể:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2012, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố A, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2009 thì quan hệ hôn nhân giữa ông NHQ và bà TMT là hợp pháp. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau trong cuộc sống cùng nhau chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, khả năng hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng khó thành nên ông Q, bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung:* Ông NHQ và bà TMT khai quá trình chung sống giữa ông và bà có một con chung là trẻ NHKT (nữ), sinh ngày 16/8/2010. Ông Q và bà T cùng thỏa thuận giao con chung là trẻ T cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 12.000.000 đồng cho đến khi trẻ

Thủy tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về tài sản chung*: Ông NHQ và bà TMT khai do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông NHQ và bà TMT khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Ông NHQ và bà TMT đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con. Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông NHQ và bà TMT.

- Về con chung: Có một con chung là trẻ NHKT (nữ), sinh ngày 16/8/2010. Hai bên thỏa thuận giao con chung là trẻ T cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông Quang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 12.000.000 đồng cho đến khi trẻ Th tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà TMT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông NHQ không cấp dưỡng đủ số tiền nói trên thì ông Q phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông NHQ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con .

- Về tài sản chung: Ông NHQ và bà TMT khai do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông NHQ và bà TMT khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng, ông NHQ và bà TMT phải chịu được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông Qg, bà T đã nộp theo biên lai thu số 0000039 ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- UBND P. A, TP. B;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Dương Thị Thảo Trân